TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN
Bản án số: 02 /2019/DS-ST
Ngày 24/9/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà trần Thị Ngoan.
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Đậu Đức Đông.
2. Bà Phan Thị Thanh Thủy.

-Thư ký phiên toà:Ông Hồ Xuân Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05 /2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng T
Địa chỉ: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh P (Theo văn bản ủy quyền số 906/QĐ-BIDV ngày 26 tháng 11 năm 2018 của tổng giám đốc Ngân hàng T).
Địa chỉ: Số a, đường T, phường H, thị xã T, Nghệ An.
Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trung K – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp chi nhánh P. (Có mặt).
Ông Trần Việt V – Chức vụ: Chuyên viên tổ xử lý thu hồi nợ xấu chi nhánh P. (Theo văn bản ủy quyền số 936, 937/QĐ-BIDV.PQ ngày 14 tháng 12 năm 2018 của giám đốc chi nhánh P). (Có mặt).
Bị đơn: Ông Nguyễn Cao C, sinh năm: 1983
Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1989
Đều trú tại: Xóm a, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/7/2016 Ngân hàng T và ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD cho ông C, bà H vay với số tiền 1.750.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay là để kinh doanh hàng nông sản, lãi suất trong hạn là 8,5%/năm trong ½ thời gian vay vốn đầu tiên. Sau 06 tháng xác định lãi suất 01 lần, lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh. lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc của bên vay là toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của hợp đồng, lãi vay được bên vay trả định kỳ hàng quý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà H mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 250.900.000đ (hai trăm năm mươi triệu, chín trăm nghìn đồng) trong đó thanh toán nợ gốc là 164.900.000đ, thanh toán tiền lãi là 86.000.000đ. (chi tiết cụ thể đã được Ngân hàng liệt kê trong bảng tính chi tiết gốc và lãi vay).

Để bảo đảm cho khoản vay trên tại Ngân hàng ông C, bà H đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016 gồm: 01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, mang biển kiểm soát số 37C-166.xx, số khung 4DD39F217751, số máy YC6A26033 3A10L1F30038*, giấy đăng ký ô tô số 018972 do công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Cao C.

01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, mang biển kiểm soát số 37C-166.xx, số khung DD33FL217695, số máy YC6A260-33*A10L1F30072*, giấy đăng ký ô tô số 018970 do công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Cao C.

Khoản nợ của ông C, bà H tại Ngân hàng đã hết hạn, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà H thanh toán khoản nợ trên nhưng ông C, bà H không thanh toán. Nay Ngân hàng T đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn Cao C và bà Nguyễn Thị H thanh toán với tổng số tiền nợ tính đến ngày 24/09/2019 là 2.213.199.180đ (hai tỷ, hai trăm mười ba triệu, một trăm chín chín nghìn, một trăm tám mươi đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 1.585.100.000đ (một tỷ, năm trăm tám lăm triệu, một trăm nghìn đồng), số tiền lãi 628.099.180đ (sáu trăm hai tám triệu, không trăm chín chín nghìn, một trăm tám mươi đồng), trong đó tiền nợ lãi trong hạn là 81.241.667 (tám mốt triệu, hai trăm bốn mốt nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 546.857.514đ (năm trăm bốn sáu triệu, tám trăm năm bảy nghìn, năm trăm mười bốn đồng) (chi tiết cụ thể đã được Ngân hàng liệt kê trong bảng tính chi tiết gốc và lãi vay).

Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2019 đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn Cao C và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và bảng kê rút vốn kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 29/07/2016 cho đến khi trả nợ xong. Trong trường hợp ông C, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền trên thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016. Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng T đề nghị Toà án buộc ông C, bà H tiếp tục trả nợ cho ngân hàng đến khi trả nợ xong.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét tại chỗ theo quy định và phải hoàn trả lại cho Ngân hàng toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chổ với số tiền Ngân hàng đã nộp và chi phí là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Không đồng ý với nguyện vọng của ông C, bà H trong đơn trình bày với nội dung đề nghị Ngân hàng miễn số tiền lãi suất quá hạn phải chịu.

Tại bản khai ngày 07/05/2019 ông C, bà H trình bày:

Vào ngày 27/7/2016 ông C, bà H đã ký hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD với Ngân hàng T để vay với số tiền là 1.750.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay là để kinh doanh hàng nông sản, lãi suất trong hạn là 8,5%/năm trong ½ thời gian vay vốn đầu tiên. Sau 06 tháng xác định lãi suất 01 lần, lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh. lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc của bên vay là toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của hợp đồng, lãi vay được bên vay trả định kỳ hàng quý. Vợ chồng ông C, bà H đã nhận đủ số tiền vay là 1.750.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà H mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 250.900.000đ (hai trăm năm mươi triệu, chín trăm nghìn) trong đó thanh toán nợ gốc là 164.900.000đ, thanh toán tiền lãi là 86.000.000đ. Chi tiết cụ thể đúng như Ngân hàng liệt kê trong bảng tính chi tiết gốc và lãi vay. Như vậy ông C, bà H còn nợ Ngân hàng với số tiền nợ gốc 1.585.100.000đ (một tỷ, năm trăm tám lăm triệu, một trăm nghìn đồng), tiền nợ lãi trong hạn 81.241.667 (tám mốt triệu, hai trăm bốn mốt nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng) và nợ lãi quá hạn như ý kiến của Ngân hàng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên tại BIDV ông Nguyễn Cao Cvà bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản gồm:

01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, mang biển kiểm soát số 37C-166.xx, số khung 4DD39F217751, số máy YC6A26033 3A10L1F30038*, giấy đăng ký ô tô số 018972 do công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Cao Cường.

01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, mang biển kiểm soát số 37C-166xx, số khung DD33FL217695, số máy YC6A260-33*A10L1F30072*, giấy đăng ký ô tô số 018970 do công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Cao C theo hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016. Tuy nhiên do hoàn cảnh công việc gặp nhiều khó khăn, xe hư hỏng nhiều nên ông, bà không có khả năng thanh toán cho ngân hàng vậy ông, bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016 mà ông, bà đã ký kết với ngân hàng. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà chưa đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông C, bà H đồng ý trả nợ tiếp theo quy định để thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng, xin Ngân hàng miễn số tiền lãi phạt quá hạn cho gia đình.

Sau khi ông C, bà H có ý kiến trên, Tòa án đã triệu tập, thông báo phiên hòa giải cho ông C, bà H theo quy định để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng ông C, bà H đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với tài liệu mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án là "Bảng tính lãi vay đến hết ngày 06/06/2019" Tòa án chưa lập biên bản giao nhận chứng cứ là vi phạm Khoản 2 Điều 96 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 209, 227 BLTTDS, vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào Điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Văn bản hợp nhất 07/VBNH-VPQH luật các tổ chức tín dụng ngày 12/12/2017; các Điều 26,35,39,147,227,288 BLTTDS; các Điều 299, 318, 323, 466, 468 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T. Buộc ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H (là vợ chồng) phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD ký ngày 27/07/2016 với tổng số tiền tính đến ngày 24/09/2019 là 2.213.199.180đ (hai tỷ, hai trăm mười ba triệu, một trăm chín chín nghìn, một trăm tám mươi đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 1.585.100.000đ (một tỷ, năm trăm tám lăm triệu, một trăm nghìn đồng), số tiền lãi 628.099.180đ (sáu trăm hai tám triệu, không trăm chín chín nghìn, một trăm tám mươi đồng), trong đó tiền nợ lãi trong hạn 81.241.667 (tám mốt triệu, hai trăm bốn mốt nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 546.857.514đ (năm trăm bốn sáu triệu, tám trăm năm bảy nghìn, năm trăm mười bốn đồng) (chi tiết cụ thể đã được Ngân hàng liệt kê trong bảng tính chi tiết gốc và lãi vay).

Trường hợp ông C, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền trên thì đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016 ký kết giữa Ngân hàng T và ông C, bà H để thu hồi nợ.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Ngày 27/02/2019 Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H (là vợ chồng) đều trú tại: Xóm A, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An thanh toán hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp và nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An nơi hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD ngày 27/07/2016 và hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016 được ký kết và thực hiện, đồng thời tại mục 8 hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD ngày 27/07/2016 các bên

thỏa thuận và thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là TAND thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 39, Điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về chủ thể:* Ngân hàng T được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật. Ông C, bà H là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó các bên đều có quyền ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc giao dịch mà mình đã ký kết. Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD ngày 27/07/2016 mà hai bên ký kết và thực hiện đều phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối tượng ký kết là hợp đồng tín dụng về việc vay vốn nhằm mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh hàng nông sản. Vì vậy hợp đồng giữa các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

[2.2] *Về nghĩa vụ thanh toán*: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) đã giải ngân số tiền 1.750.000.000đ (một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông C, bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã cam kết trong hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc thanh toán nợ, thông báo thu hồi nợ, trực tiếp làm việc nhưng ông C, bà H không thanh toán được mà mới trả được số tiền nợ gốc là 164.900.000đ, thanh toán tiền lãi là 86.000.000đ . Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại bản khai ngày 07/05/2019 ông C, bà H thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.585.100.000đ (một tỷ, năm trăm tám lăm triệu, một trăm nghìn đồng), do đó cần buộc ông C, bà H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD ngày 27/07/2016 cho Ngân hàng T) số tiền nợ gốc còn lại là 1.585.100.000đ (một tỷ, năm trăm tám lăm triệu, một trăm nghìn đồng),

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông C, bà H trả lãi với số tiền là 628.099.180đ (sáu trăm hai tám triệu, không trăm chín chín nghìn, một trăm tám mươi đồng), trong đó tiền nợ lãi trong hạn 81.241.667 (tám mốt triệu, hai trăm bốn mốt nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 546.857.514đ (năm trăm bốn sáu triệu, tám trăm năm bảy nghìn, năm trăm mười bốn đồng) Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD ngày 27/07/2016 các bên có quy định lãi suất vay trong hạn là 8,5%/năm trong ½ thời gian vay vốn đầu tiên. Sau 06 tháng xác định lãi suất 01 lần, lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lịch trả nợ gốc của bên vay là toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của hợp đồng, lãi vay được bên vay trả định kỳ hàng quý, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Xét về thỏa thuận lãi suất các bên

đã ký kết trong hợp đồng phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật. Theo đơn trình bày của ông C, bà H đề nghị Ngân hàng miễn số tiền lãi quá hạn nhưng Ngân hàng không chấp nhận. Ngân hàng đã cung cấp bảng kê tính lãi đến hết ngày 24/09/2019. Căn cứ vào bảng chi tiết tính lãi do Ngân hàng BIDV cung cấp, hợp tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD ngày 27/07/2016 mà các bên đã ký kết; Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] *Về tài sản thế chấp, xử lý tài sản thế chấp*:

Đảm bảo cho khoản vay trên thì ông C, bà H đã thế chấp cho Ngân hàng T 01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, mang biển kiểm soát số 37C-166.xx, số khung 4DD39F217751, số máy YC6A26033 3A10L1F30038*, giấy đăng ký ô tô số 018972 do công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Cao Cường.

01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, mang biển kiểm soát số 37C-166.xx, số khung DD33FL217695, số máy YC6A260-33*A10L1F30072*, giấy đăng ký ô tô số 018970 do công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Cao C theo hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016. Việc thế chấp được lập thành hợp đồng có công chứng và đã được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại đà nẵng chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm; Đúng quy định tại các Điều 342, 343, 344 BLDS năm 2005; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/12/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 163. Do vậy, hợp đồng thế chấp giữa các bên là hợp pháp, phát sinh hiệu lực pháp luật về chủ thể và nội dung, các bên không có tranh chấp gì tại thời điểm thế chấp, nên hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016 ký kết giữa Ngân hàng và ông C, bà H có hiệu lực pháp luật tại thời điểm thế chấp. Ngày 7/5/2019 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay trên không thay đổi so với thời điểm thế chấp nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì đề nghị Tòa án buộc ông C, bà H phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 11 Hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016 ký kết giữa Ngân hàng T và ông C, bà H, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông C, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không hết nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ, buộc ông C, bà H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu và nếu còn thừa thì Ngân hàng phải trả lại cho ông C, bà H.

[2.5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Ngân hàng đề nghị Toà án buộc ông ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H phải chịu lãi suất theo lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần tài sản thế chấp. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) là phù hợp với Điều 157 BLTTDS.

[4] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.200.000đ (ba sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 39, Điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Điều 271, Điều 273 BLTTDS, các Điều 342, 343, 344 BLDS năm 2005; các Điều 274, 275, 280, 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468, 688 – BLDS năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163; khoản 2 Điều 26; Điểm đ Tiểu mục 1.4 Mục 1 Phần II Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T

1. Buộc ông ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H (là vợ chồng) phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T tổng số tiền là 2.213.199.180đ (hai tỷ, hai trăm mười ba triệu, một trăm chín chín nghìn, một trăm tám mươi đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 1.585.100.000đ (một tỷ, năm trăm tám lăm triệu, một trăm nghìn đồng), số tiền lãi 628.099.180đ (sáu trăm hai tám triệu, không trăm chín chín nghìn, một trăm tám mươi đồng), Trong đó tiền nợ lãi trong hạn 81.241.667 (tám mốt triệu, hai trăm bốn mốt nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 546.857.514đ (năm trăm bốn sáu triệu, tám trăm năm bảy nghìn, năm trăm mười bốn đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/09/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 06/2016/5294128/HĐTD ngày 27/07/2016, nhưng phải phù hợp với pháp luật.

3. Trong trường hợp ông ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, mang biển kiểm soát số 37C-166.xx, số khung 4DD39F217751, số máy YC6A26033 3A10L1F30038*, giấy đăng ký ô tô số 018972 do công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Cao C.

01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, mang biển kiểm soát số 37C-166.xx, số khung DD33FL217695, số máy YC6A260-33*A10L1F30072*, giấy đăng ký ô tô số 018970 do công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Cao C theo hợp đồng thế chấp số 06/2016/529412/HĐBĐ ngày 27/7/2016 giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Tđến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp để trả nợ mà đang còn và không có nghĩa vụ nào khác phải thanh toán, thì Ngân hàng T phải chuyển trả lại cho ông C, bà H.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

5. Về án phí: ông ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H phải chịu 76.263.983đ (bảy mươi sáu triệu, hai trăm sáu ba nhìn, chín trăm tám ba đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.200.000đ (ba sáu triệu, hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000514 ngày 27/02/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

6. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị Hvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hoà;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hoà;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngoan